

Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 31 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: Thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. *Bị đơn*: Anh Hoàng N, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị H và Hoàng N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Vợ chồng có ba con chung là Hoàng Thị T sinh ngày 25-3-2001, Hoàng Ngọc Q, sinh ngày 18-12-2003 và Hoàng Khải Đ, sinh ngày 20-12-2010.

Cháu Hoàng Thị T đã đủ tuổi thành niên; Giao hai người con là Hoàng Ngọc Q và Hoàng Khải Đ cho anh Hoàng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ tuổi thành niên; Chị Phan Thị H có nghĩa vụ

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Khải Đ, sinh ngày 20-12-2010, định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: không có.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2013/004255, ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị H đã nộp đủ án phí.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CC THADS huyện L;
- VKSND huyện A Lưới;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ, AV.

THẨM PHÁN

Hồ Văn Nhân